

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1022/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 29 – 9 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thúc

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1044/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1043/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1991; HKTT: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Ngụ tại: Số A đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Xuân P, sinh năm 1991; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Ngụ tại: Số A đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Trần Xuân P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2014, quyển số 01/2014 ngày 07/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số A đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày là do vợ chồng khác nhau về nhiều quan điểm trong cuộc sống, về cách chăm sóc con cái, về thói quen sinh hoạt. Vợ chồng thường xuyên cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ông P thường xuyên vắng nhà, không phụ bà chăm sóc con cái, từ trước đến nay việc gia đình, con cái do một mình bà quán xuyến mà không nhận được sự chia sẻ từ phía ông P. Bà đã cố gắng để vợ chồng hiểu nhau và hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân P.

Về con chung: Bà L khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Trần Minh K, sinh ngày 02/4/2016 và Trần Minh Đ, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng cho con hai thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ trước đến nay, các cháu Minh K và Minh Đ đều do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay, bà đang làm nhân viên kinh doanh cho Công ty TNHH T với mức lương là 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bà có làm thêm bán hàng online, thu nhập trung bình từ việc bán hàng là 6.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo cho việc chăm sóc hai con.

Về tài sản chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự cho ông Trần Xuân P nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Kim L và ông Trần Xuân P có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 07/03/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua nội dung đơn xin ly hôn, các bản tự khai, biên bản hoà giải, nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L và ông P ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim L.

Về con chung, ông bà có 02 con chung là: Trần Minh K sinh ngày 02/04/2016 và Trần Minh Đ sinh ngày 12/7/2017. Qua bản tự khai của trẻ K, nếu ba mẹ ly hôn thì trẻ xin được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không đến Tòa án để hoà giải và không có lý do chính đáng khi vắng mặt. Xét thấy thu nhập cố định của bà L hằng tháng là 14.000.000 đồng, đảm bảo việc nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con là Trần Minh K, Trần Minh Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà L không yêu cầu giải quyết đối với phần cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2014, quyển số 01/2014 ngày 07/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp cho bà Huỳnh Thị Kim L và ông Huỳnh Xuân P1 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông P1 có nơi cư ngụ tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ

Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Trần Xuân P: Do ông P vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông P.

Tại phiên tòa, ông P không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Kim L yêu cầu ly hôn với ông Trần Xuân P:

Căn cứ lời khai của bà L thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra những bất đồng từ nhiều vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hơn thế, bà L xác nhận hiện nay bà không còn tình cảm với ông P, bà mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống tập trung lo cho các con.

Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P vắng mặt. Điều này thể hiện ông P không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P là có thật và đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Bà L khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Trần Minh K, sinh ngày 02/4/2016 và Trần Minh Đ, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ trước đến nay, các cháu Minh K và Minh Đ đều do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại bản khai ngày 03/8/2023, cháu Minh K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông P cũng không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của các cháu Minh K và Minh Đ thì việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản:*

- Về tài sản chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L chịu án phí theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Xuân P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2014, quyển số 01/2014 ngày 07/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp cho bà Huỳnh Thị Kim L và ông Trần Xuân P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà L khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Trần Minh K, sinh ngày 02/4/2016 và Trần Minh Đ, sinh ngày 12/7/2017. Giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà L không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.
+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L1), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Kim L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0013521 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND xã Đồng Kho, H. Tân Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương